TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2023.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
2. Ông Danh Quí.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà*: Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 472/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2022, về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thanh Kim H - sinh năm 1991, có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: Lô H14 L, khu phố L, phường V, thành phố R, tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông Danh Th - sinh năm 1988, có mặt.
Địa chỉ: ấp Ph, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2022, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thanh Kim H như sau:

Bà kết hôn với ông Danh Th vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Gò Quao vào ngày 24/02/2014.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cách dạy con nên vợ chồng không có tiếng nói chung và xảy ra cự cãi, ông Th nhắn tin cho cô này cô kia mà không quan tâm vợ con ở nhà. Bà thấy không còn tình cảm để tiếp tục sống chung nên đã âm thầm bỏ nhà đi. Mâu thuẫn không chỉ giữa vợ chồng mà còn những người xung quanh bên phía nhà chồng khiến cho bản thân bà cảm thấy gò bó, áp đặt trong hôn nhân. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm yêu thương gì

đối với ông Danh Th nên bà xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Danh Th.

Thời gian chung sống vợ chồng bà có 02 người con chung với nhau tên Danh Lê Ánh Ng – sinh ngày 23/5/2014 và Danh Lê Bích Th1 – sinh ngày 01/01/2019, hiện chồng bà đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng bà không có nợ chung.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Danh Th.

Về con chung: Bà đồng ý giao con chung tên Danh Lê Ánh Ng – sinh ngày 23/5/2014 và Danh Lê Bích Th1 – sinh ngày 01/01/2019 cho ông Danh Th nuôi dưỡng. Bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng/02 người con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 23/02/2023 và biên bản hòa giải ngày 08/3/2023, bị đơn ông Danh Th trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thanh Kim H về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn ông trình bày thêm khi vợ ông sanh đứa con thứ hai được khoảng 08 tháng thì ông cho vợ đi R làm và phát hiện vợ ông có quan hệ với người khác nên ông mới kêu vợ về nhà lúc đó là tháng 6/2021, đến tháng 4/2022 thì vợ ông bỏ nhà đi luôn cho đến nay.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Lê Thanh Kim H.

Về con chung: Ông xin nuôi con chung tên Danh Lê Ánh Ng – sinh ngày 23/5/2014 và Danh Lê Bích Th1 – sinh ngày 01/01/2019 và yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Danh Th không đồng ý ly hôn và xin nuôi hai người con chung tên Danh Lê Ánh Ng – sinh ngày 23/5/2014 và Danh Lê Bích Th1 – sinh ngày 01/01/2019. Ông yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng 1.500.000 đồng/ 02 người con chung. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ

thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Lê Thanh Kim H được ly hôn với ông Danh Th. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu Danh Lê Ánh Ng – sinh ngày 23/5/2014 và Danh Lê Bích Th1 – sinh ngày 01/01/2019 cho ông Danh Th tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà Lê Thanh Kim H. Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Lê Thanh Kim H và ông Danh Th là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lê Thanh Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà H không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bà Lê Thanh Kim H.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thanh Kim H và ông Danh Th kết hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19, ngày 24/02/2014, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Lê Thanh Kim H và ông Danh Th là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Lê Thanh Kim H và ông Danh Th là hôn nhân tự nguyện, vợ chồng ông bà có hai người con chung nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Lê Thanh Kim H cho rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cách dạy con nên vợ chồng không có tiếng nói chung và xảy ra cự cãi, ông Th nhắn tin cho cô này cô kia mà không quan tâm vợ con ở nhà. Bà thấy không còn tình cảm để tiếp tục sống chung nên đã âm thầm bỏ nhà đi. Mâu thuẫn không chỉ giữa vợ chồng mà còn những người xung quanh bên phía nhà chồng khiến cho bản thân bà cảm thấy gò bó, áp đặt trong hôn nhân. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân bà và ông Danh Th không hàn gắn được vì từ khi bỏ đi đến nay bà không gọi điện thoại về nhà và cũng không về nhà thăm con do bà không muốn dính líu tới chồng và con. Tuy ông Danh Th không đồng ý ly hôn nhưng ông thừa nhận vợ chồng có bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cách dạy con nên

không có tiếng nói chung và xảy ra cự cãi, ông còn phát hiện vợ ông có quan hệ với người khác từ tháng 6/2021, đến tháng 4/2022 thì vợ ông bỏ đi luôn cho đến nay. Ngày 23/02/2023 và ngày 08/3/2023, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà Lê Thanh Kim H cương quyết ly hôn với ông Danh Th. Xét thấy, vợ chồng bà Lê Thanh Kim H và ông Danh Th đã sống ly thân với nhau tính đến ngày xét xử là gần 01 năm. Trong thời gian này, ông Danh Th và bà Lê Thanh Kim H không tìm được tiếng nói chung, bản thân bà H đã chủ động cắt đứt mọi liên lạc với ông Th điều đó chứng minh bà Lê Thanh Kim H không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Bà Lê Thanh Kim H cương quyết xin ly hôn với ông Danh Th và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Danh Th, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thanh Kim H.

[4] Về con chung: Bà Lê Thanh Kim H và ông Danh Th có 02 người con chung tên Danh Lê Ánh Ng – sinh ngày 23/5/2014 và Danh Lê Bích Th1 – sinh ngày 01/01/2019.

Bà Lê Thanh Kim H và ông Danh Th thống nhất giao 02 người con chung tên Danh Lê Ánh Ngọc – sinh ngày 23/5/2014 và Danh Lê Bích Thủy – sinh ngày 01/01/2019 cho ông Danh Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cháu Ánh Ngọc cũng có nguyện vọng sống chung với cha nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thanh Kim H và ông Danh Th tự thỏa thuận như sau: Bà Lê Thanh Kim H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng/02 người con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Bà Lê Thanh Kim H và ông Danh Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về nợ chung: Bà Lê Thanh Kim H và ông Danh Th cam kết vợ chồng ông bà không có nợ chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Tại phiên tòa sau khi xem xát các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn, nghe lời trình bày của bị đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Lê Thanh Kim H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0001838, ngày 21/11/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Lê Thanh Kim H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Về án phí cấp dưỡng nuôi con bà Lê Thanh Kim H phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh Kim H.

Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Thanh Kim H và ông Danh Th được ly hôn với nhau.

Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Lê Thanh Kim H và ông Danh Th về việc giao hai người con chung tên Danh Lê Ánh Ng – sinh ngày 23/5/2014 và Danh Lê Bích Th1 – sinh ngày 01/01/2019 cho ông Danh Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Lê Thanh Kim H và ông Danh Th như sau: Bà Lê Thanh Kim H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng/02 người con chung. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Lê Thanh Kim H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giá dục con chung. Không ai được phép cản trở bà thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thanh Kim H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0001838, ngày 21/11/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con bằng 300.000 đồng buộc bà Lê Thanh Kim H phải nộp.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang